

GAO KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIÁM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ SÌ LỜ LẦU

(Kèm theo Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2026 của UBND xã Sì Lờ Lầu)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư, nguồn vốn				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng mức đầu tư (dự kiến)	Nguồn vốn phân bổ			Tổng mức đầu tư (dự kiến)	Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
					Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương						
TỔNG CỘNG				49.147	49.147	44.670	4.477	49.147	49.147	44.670	4.477		
I Hợp phần 1													
1	Nội dung thành phần 02			46.397	46.397	42.170	4.227	46.397	46.397	42.170	4.227		
1.1	Nội dung 01			40.117	40.117	36.470	3.647	40.117	40.117	36.470	3.647		
-	Nâng cấp các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã Sì Lờ Lầu (đường được liệt kê - Gia Khâu; Đường ra mốc 69; Séo Hồ Thầu)	Xã Sì Lờ Lầu	2026-2028	7.700	7.700	7.000	700	7.700	7.700	7.000	700	UBND xã Sì Lờ Lầu	
-	Nâng cấp các tuyến đường giao thông nội đồng khu vực Vàng Ma Chải cũ (các tuyến Khu vực Tả Ô, Tả Phùng, Tả Páo Hồ)	Xã Sì Lờ Lầu	2027-2029	9.680	9.680	8.800	880	9.680	9.680	8.800	880	UBND xã Sì Lờ Lầu	
-	Nâng cấp đường ra khu sản xuất trên địa bàn xã Sì Lờ Lầu (Khu vực xã Vàng Ma Chải cũ)	Xã Sì Lờ Lầu	2026-2028	7.227	7.227	6.570	657	7.227	7.227	6.570	657	UBND xã Sì Lờ Lầu	
-	Nâng cấp các tuyến đường GTNB khu vực Sì Lờ Lầu cũ, Vàng Ma Chải cũ (Tuyến Tả Phùng - Sín Chải; Nhóm 2; Lao Chải...)	Xã Sì Lờ Lầu	2028-2030	8.250	8.250	7.500	750	8.250	8.250	7.500	750	UBND xã Sì Lờ Lầu	
-	Kè bảo vệ tuyến đường GTNT trên địa bàn xã Sì Lờ Lầu (điểm Thà Giảng, Mỏ Sì San)	Xã Sì Lờ Lầu	2028-2030	7.260	7.260	6.600	660	7.260	7.260	6.600	660	UBND xã Sì Lờ Lầu	
1.2	Nội dung 02			1.540	1.540	1.400	140	1.540	1.540	1.400	140		
-	Thủy lợi Lao Chải (Sèo Pho Thiện)	Xã Sì Lờ Lầu	2028-2030	1.540	1.540	1.400	140	1.540	1.540	1.400	140		
1.3	Nội dung 10			4.740	4.740	4.300	440	4.740	4.740	4.300	440		

-	Nước sinh hoạt bản Lá Nhì Thàng	Xã Si Lở Lầu	2027-2029	4.740	4.740	4.300	440	4.740	4.740	4.300	440	UBND xã Si Lở Lầu	
2	Nội dung thành phần 07			2.750	2.750	2.500	250	2.750	2.750	2.500	250		
2.1	Nội dung 02			2.750	2.750	2.500	250	2.750	2.750	2.500	250		
-	Khu xử lý rác thải tập trung	Xã Si Lở Lầu	2027-2029	2.750	2.750	2.500	250	2.750	2.750	2.500	250	UBND xã Si Lở Lầu	

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2026 của UBND xã Sì Lờ Lầu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Dự án/Nội dung thành phần	Cơ quan chủ trì	Kinh phí dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(9)	(10)
	Tổng cộng		15.921	
I	Hợp phần 1		13.885	
1	Nội dung thành phần số 2: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu (gồm 14 nội dung cụ thể)		3.685	
a	Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo		2.185	
-	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường giao thông trên địa bàn		2.185	
b	Nội dung số 06: Từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; phát triển các mô hình chợ đáp ứng các tiêu chí đảm bảo an toàn thực phẩm cấp xã; thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử; khuyến khích phát triển hệ thống dịch vụ logistics gắn với vùng sản xuất hàng hóa. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo		1.500	
-	Nâng cấp, sửa chữa các chợ trên địa bàn xã Sì Lờ Lầu	Phòng Kinh tế	1.500	
2	Nội dung thành phần số 3: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường (gồm 10 nội dung cụ thể)		8.000	
a	Nội dung số 01: Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiểu thủ công nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế xã hội và đáp ứng nhu cầu thị trường. Tập trung, ưu tiên áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp giảm phát thải, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, bảo vệ tài nguyên; khuyến khích thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP), sử dụng vật tư nông nghiệp an toàn và truy xuất nguồn gốc	Trung tâm DVTH	2.000	
b	Nội dung số 03: Hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn và bảo đảm an toàn dịch bệnh; phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, liên kết chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ bền vững. Ứng dụng cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ, công nghệ cao, công nghệ số trong sản xuất, quản lý vùng trồng và xây dựng cơ sở dữ liệu vùng nguyên liệu. Triển khai áp dụng mã số vùng trồng, mã số vùng nuôi đối với mọi loại cây trồng, vật nuôi; ứng dụng công nghệ số trong quản lý vùng trồng, vùng nuôi, truy xuất nguồn gốc đối với lương thực thực phẩm	Trung tâm DVTH	3.500	
c	Nội dung số 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo, phù hợp với điều kiện sinh thái, văn hóa và trình độ phát triển của từng địa phương, đặc biệt tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo; khuyến khích ứng dụng khoa học - công nghệ, kinh tế số, kinh tế xanh và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; bảo đảm kết nối thị trường; thí điểm cơ chế tín dụng vi mô, bảo hiểm nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và duy trì bền vững	Trung tâm DVTH	2.500	
3	Nội dung thành phần số 4: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững (gồm 05 nội dung cụ thể)		1.800	

STT	Dự án/Nội dung thành phần	Cơ quan chủ trì	Kinh phí dự kiến	Ghi chú
a	Nội dung số 01: Bảo đảm tiếp cận giáo dục công bằng, toàn diện và học tập suốt đời cho người dân vùng nông thôn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo. Triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; duy trì nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi; phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, giáo dục hòa nhập; phát triển lớp học thông minh, mô hình học tập cộng đồng; ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và nền tảng học trực tuyến để mở rộng cơ hội học tập và học tập suốt đời, trong đó, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, phụ nữ, trẻ em gái, người khuyết tật và người dân vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo		1.500	
-	Mở lớp xóa mù chữ	Phòng VH-XH	1.500	
b	Nội dung số 05: Hỗ trợ người lao động cư trú trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; thuê cơ sở đào tạo và lưu trú cho ứng viên tham gia khóa đào tạo Tiếng Nhật để đi làm việc tại Nhật Bản theo Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA).		300	
-	Hỗ trợ đưa người lao động cư trú trên địa bàn xã đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Phòng VH-XH	300	
4	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN (gồm 04 nội dung cụ thể)		400	
a	Nội dung số 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm	Phòng Kinh tế	400	
	HỢP PHẦN THỨ HAI: CÁC NỘI DUNG ĐẶC THÙ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN		2.036	
1	Nội dung thành phần 01: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (gồm 04 nội dung cụ thể)		1.486	
a	Nội dung 01: Đầu tư xây dựng mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho: Các cơ sở giáo dục mầm non; các trường phổ thông; các trường phổ thông dân tộc nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở, phổ thông dân tộc bán trú, dân tộc nội trú, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên (ưu tiên đầu tư các hạng mục: đầu tư xây dựng, đầu tư nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh và phòng công vụ giáo viên; nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp công trình phụ trợ khác; đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số giáo dục, phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh DTTS; mua sắm máy móc, thiết phục vụ đào tạo). Ưu tiên tập trung cho địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, ATK địa bàn chiến lược về an ninh, quốc phòng, khu vực đồng bào dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù sinh sống; đầu tư mới, đầu tư cải tạo, nâng cấp và kiên cố hóa các trường, lớp học, sân chơi cho học sinh phổ thông, nhà công vụ cho giáo viên, nhà ở bán trú, bếp ăn cho học sinh và các công trình phụ trợ khác ở khu vực đồng bào dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù sinh sống	Phòng Kinh tế	1.486	
-	<i>Sửa chữa trường mầm non Vàng Ma Chải xã Sì Lở Lầu</i>		1.486	
2	Nội dung thành phần số 5: Công tác truyền thông, tuyên truyền; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN (gồm 04 nội dung cụ thể)		550	
a	Nội dung 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến; phát huy vai trò của người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo, đồng bào DTTS và người dân sinh sống trên địa bàn	Phòng VH-XH	150	
b	Nội dung 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS&MN. Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý, hoà giải ở cơ sở, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước cho vùng đồng bào DTTS&MN	Văn phòng HĐND-UBND xã	400	

15921 17162

-

1171 1.014

2000